

Yên Thành, ngày 28 tháng 07 năm 2023

Số: 208/2023/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 165/2023/TLST/HNGĐ ngày 31 tháng 03 năm 2023, Về việc “Ly hôn, tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn” giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Xuân B, sinh ngày 01/8/1960, nơi cư trú: xóm 4, xã L Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị G, sinh ngày 20/11/1961, nơi cư trú: xóm 4, xã L Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 59 và Điều 62 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 3, 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26, khoản 5 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 07 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 07 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Phạm Xuân B và bà Nguyễn Thị G.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về Hôn nhân: Ông Phạm Xuân B và bà Nguyễn Thị G thuận tình ly hôn.

2.2. Về chia tài sản: Thửa đất số 812, tờ bản đồ số 13, diện tích 420m² đất thổ cư lâu dài, vị trí: xóm 4, xã Liên Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An đã được Ủy ban nhân dân huyện Yên Thành cấp GCNQSD đất ngày 30/11/2011

mang tên bà Nguyễn Thị G. Hiện trạng diện tích đất sử dụng là 574m², lý do tăng do sai số đo đạc. Được chia như sau:

1) Giao quyền sử dụng 140m² đất thổ cư lâu dài, tạm giao quyền sử dụng 44 m² đất (tăng thêm do sai số đo đạc) (kí hiệu ONT/812B), tại thửa đất số 812, tờ bản đồ số 13, vị trí: xóm 4, xã Liên Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, có kích thước: chiều rộng phía Nam giáp đường, là đường gấp khúc dài $(3,59 + 2,81 + 1,97) = 8,37\text{m}$; chiều rộng phía Bắc giáp thửa đất số 774, dài 6,26m, chiều dài phía Đông giáp thửa đất số 812C, dài 25,46m; chiều dài phía Tây giáp thửa số 812A, dài 25,5m và giao tài sản tọa lạc trên thửa đất cho ông Phạm Xuân B.

Giao quyền sử dụng 140 m² đất thổ cư lâu dài, tạm giao quyền sử dụng 59 m² đất (tăng thêm do sai số đo đạc) (kí hiệu ONT/812A), tại thửa đất số 812, tờ bản đồ số 13, vị trí: xóm 4, xã Liên Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, có kích thước: chiều rộng phía Nam giáp đường xã, dài 7,03m; chiều rộng phía Bắc giáp thửa đất số 773, dài 8,6m, chiều dài phía Đông giáp thửa đất số 812B, dài 25,5mm; chiều dài phía Tây giáp thửa số 811, dài 25,43m cho ông Phạm Xuân B.

2) Giao quyền sử dụng 140 m² đất thổ cư lâu dài, tạm giao quyền sử dụng 51 m² đất (tăng thêm do sai số đo đạc) (kí hiệu ONT/812C), tại thửa đất số 812, tờ bản đồ số 13, vị trí: xóm 4, xã Liên Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, có kích thước: chiều rộng phía Nam giáp đường, là đường gấp khúc dài $(1,16 + 7,24) = 8,4\text{m}$; chiều rộng phía Bắc giáp thửa đất số 774, dài 6,26m, chiều dài phía Đông giáp đường xóm, dài 25,55m; chiều dài phía Tây giáp thửa số 812B, dài 25,46m và giao tài sản tọa lạc trên thửa đất cho bà Nguyễn Thị G.

3) Ông Phạm Xuân Bài phải giao 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) tiền nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị G. Bà Nguyễn Thị G được nhận 50.000.000 đồng do ông Phạm Xuân B giao.

4) Các đương sự có quyền, nghĩa vụ đến Cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất.

2.3. Án phí: Miễn nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm và án phí chia tài sản cho ông Phạm Xuân B và bà Nguyễn Thị G.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Thi hành án và nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phan Xuân Thọ